

**VĂN KIẾN**  
**CÔNG ƯỚC PARIS**

**VỀ BẢO HỘ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

*(Thông qua ngày 20/3/1883, được sửa đổi tại Brussels ngày 14/12/1900, tại Washington ngày 2/6/1911, tại LaHay ngày 6/11/1925, tại London ngày 2/6/1934, tại Lisbon ngày 31/10/1958 và tại Stockholm ngày 14/7/1967, và được tổng sửa đổi ngày 28/9/1979)*

**DANH MỤC CÁC ĐIỀU**

Điều 1. Thành lập Liên minh; phạm vi của sở hữu công nghiệp

Điều 2. Đối xử quốc gia đối với công dân các nước thành viên của Liên minh

Điều 3. Được đối xử tương đương công dân các nước thành viên của Liên minh

Điều 4. A đến I - sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bằng tác giả sáng chế: Quyền ưu tiên; G - patent: Tách đơn

Điều 4<sup>bis</sup>. Patent: Sự độc lập của các patent cấp cho cùng một sáng chế tại các nước khác nhau

Điều 4<sup>ter</sup>. Patent: Nêu tên nhà sáng chế trong patent

Điều 4<sup>quater</sup>. Patent: Khả năng được cấp patent trong trường hợp pháp luật hạn chế việc bán

Điều 5. A - Patent: Nhập khẩu hàng hoá; không sử dụng hoặc sử dụng không đầy đủ, Li-xăng cường bức; B - Kiểu dáng công nghiệp: Không sử dụng, nhập khẩu hàng hoá; C - nhãn hiệu hàng hoá: Không sử dụng, khác mẫu; Sử dụng bởi các đồng sở hữu chủ; D - Patent, mẫu hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp: đánh dấu

Điều 5<sup>bis</sup>. Tất cả các quyền sở hữu công nghiệp: Thời hạn chiếu cố để nộp lệ phí duy trì hiệu lực; Patent: Phục hồi

Điều 5<sup>ter</sup>. Patent: Các thiết bị được cấp patent, là một bộ phận của tàu thủy, máy bay, hoặc phương tiện giao thông trên bộ

Điều 5<sup>quater</sup>. Patent: nhập khẩu sản phẩm được sản xuất theo phương pháp được bảo hộ tại nước nhập

Điều 5<sup>quinquies</sup>. Kiểu dáng công nghiệp

Điều 6. Nhãn hiệu: Điều kiện đăng ký; sự độc lập của việc bảo hộ một nhãn hiệu tại các nước khác nhau

Điều 6<sup>bis</sup>. Nhãn hiệu: Nhãn hiệu nổi tiếng

Điều 6<sup>ter</sup>. Nhãn hiệu: Các điều cấm liên quan đến quốc huy, dấu kiểm tra chính thức và biểu tượng của các tổ chức liên Chính phủ

Điều 6<sup>quater</sup>. Nhãn hiệu: Chuyển giao nhãn hiệu

Điều 6<sup>quinquies</sup>. Nhãn hiệu: Bảo hộ ở các nước thành viên của Liên minh các nhãn hiệu đã được đăng ký ở một nước thành viên của Liên minh

Điều 6<sup>sexies</sup>. Nhãn hiệu: Nhãn hiệu dịch vụ

Điều 6<sup>septies</sup>. Nhãn hiệu: Đăng ký nhãn hiệu dưới tên của người đại diện hoặc đại lý mà không được chủ nhãn hiệu cho phép

Điều 7. Nhãn hiệu: Bản chất của hàng hoá được gắn nhãn hiệu

Điều 7<sup>bis</sup>. Nhãn hiệu: Nhãn hiệu tập thể

Điều 8. Tên thương mại

Điều 9. Nhãn hiệu, Tên thương mại: Thu giữ khi nhập khẩu hàng hoá có gắn trái phép nhãn hiệu hàng hoá hay tên thương mại

Điều 10. Chỉ dẫn sai lệch: Thu giữ khi nhập khẩu hàng hoá có chỉ dẫn sai lệch về nguồn gốc hoặc về người sản xuất

Điều 10<sup>bis</sup>. Cạnh tranh không lành mạnh

Điều 10<sup>ter</sup>. Nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, chỉ dẫn sai lệch, cạnh tranh không lành mạnh: Công cụ bảo vệ, quyền yêu cầu toà án xét xử

Điều 11. Sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá: Bảo hộ tạm thời tại những cuộc triển lãm quốc tế nhất định

Điều 12. Các cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp của các nước

Điều 13. Hội đồng của Liên minh

Điều 14. Uỷ ban chấp hành

Điều 15. Văn phòng quốc tế

Điều 16. Tài chính

Điều 17. Sửa đổi các điều từ 13 đến 17

Điều 18. Xem xét lại các điều từ 1 đến 12 và từ 18 đến 30

Điều 19. Các thoả thuận riêng

Điều 20. Phê chuẩn hoặc gia nhập của các nước thành viên của Liên minh, hiệu lực của Công ước

Điều 21. Sự tham gia của các nước không phải là thành viên của Liên minh, hiệu lực

Điều 22. Kết quả của việc phê chuẩn hoặc gia nhập

Điều 23. Gia nhập các văn kiện trước đó

Điều 24. Lãnh thổ

Điều 25. Áp dụng Công ước trong phạm vi quốc gia

Điều 26. Bãi ước

Điều 27. Áp dụng các văn kiện trước đây

Điều 28. Giải quyết tranh chấp

Điều 29. Ký kết, ngôn ngữ, chức năng lưu giữ

Điều 30. Các điều khoản chuyển tiếp

**Điều 1.** Thành lập Liên minh; phạm vi của sở hữu công nghiệp

(1) Các nước áp dụng Công ước này hợp thành Liên minh bảo hộ sở hữu công nghiệp.

(2) Đối tượng bảo hộ sở hữu công nghiệp bao gồm patent, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, chỉ dẫn nguồn gốc hoặc tên gọi xuất xứ, và chống cạnh tranh không lành mạnh.

(3) Sở hữu công nghiệp phải được hiểu theo nghĩa rộng nhất, không những chỉ áp dụng cho công nghiệp và thương mại theo đúng nghĩa của chúng mà cho cả các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp khai thác và tất cả các sản phẩm chế biến hoặc sản phẩm tự nhiên như rượu vang, ngũ cốc, lá thuốc lá, hoa quả, gia súc, khoáng sản, nước khoáng, bia, hoa và bột.

(4) Patent bao gồm các loại patent công nghiệp khác nhau được pháp luật của các nước thành viên của Liên minh thừa nhận, chẳng hạn như: patent nhập khẩu, patent hoàn thiện, patent và giấy chứng nhận bổ sung.

## **Điều 2. Đối xử quốc gia đối với công dân các nước thành viên của Liên minh**

(1) Trong lĩnh vực bảo hộ sở hữu công nghiệp, công dân của bất kỳ nước thành viên nào cũng đều được hưởng các điều kiện thuận lợi như công dân của tất cả các nước thành viên khác mà luật tương ứng của các nước đó quy định hoặc sẽ quy định mà; hoàn toàn không ảnh hưởng đến các quyền được quy định riêng trong Công ước này. Do đó, họ được hưởng sự bảo hộ và công cụ bảo vệ pháp luật chống mọi hành vi xâm phạm quyền của mình như những công dân của nước thành viên khác, miễn là tuân thủ các điều kiện và thủ tục quy định đối với công dân nước đó.

(2) Tuy nhiên, không thể đặt ra cho công dân của các nước thành viên của Liên minh bất cứ điều kiện nào về việc cư trú hoặc việc đặt trụ sở tại nước được yêu cầu bảo hộ để được hưởng bất kỳ quyền sở hữu công nghiệp nào.

(3) Các quy định liên quan đến các đòi hỏi về thủ tục xét xử và thủ tục hành chính, thẩm quyền xét xử, việc lựa chọn địa chỉ giao dịch hoặc chỉ định người đại diện nếu có trong luật về sở hữu công nghiệp của mỗi nước thành viên được bảo lưu tuyệt đối.

## **Điều 3. Được đối xử tương đương công dân các nước thành viên của Liên minh**

Công dân của các nước không phải thành viên Liên minh nhưng định cư hoặc có cơ sở thương mại hoặc công nghiệp thực sự và có hiệu quả trên lãnh thổ của một trong những nước thành viên của Liên minh sẽ được đối xử theo cùng một chế độ như công dân của các nước thành viên của Liên minh.

## **Điều 4. A đến I - sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bằng tác giả sáng chế: Quyền ưu tiên; G - patent: Tách đơn**

A - (1) Bất kỳ người nào đã nộp đơn hợp lệ xin cấp patent hoặc xin đăng ký mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp hoặc nhãn hiệu hàng hoá tại một trong các nước thành viên của Liên minh, hoặc người thừa kế hợp pháp của người đó, trong quá trình nộp đơn ở các nước khác sẽ được hưởng quyền ưu tiên trong thời hạn ấn định dưới đây.

(2) Mọi đơn tương đương với đơn quốc gia hợp lệ theo luật quốc gia của bất kỳ nước thành viên của Liên minh hoặc theo các hiệp ước song phương hoặc đa phương ký kết giữa các nước thành viên của Liên minh đều được coi là đơn phát sinh quyền ưu tiên.

(3) Đơn quốc gia hợp lệ là bất cứ đơn nào đủ để xác nhận ngày đơn đó được nộp tại quốc gia liên quan, bất kể số phận của đơn đó sau này sẽ ra sao.

B - Do đó, việc nộp đơn sau đó tại bất kỳ nước thành viên nào khác trước khi kết thúc thời hạn nói trên đều không bị coi là vô hiệu bởi bất kỳ hành động nào được thực hiện trong khoảng thời

gian đó, chẳng hạn bởi một đơn khác, bởi việc công bố hoặc khai thác sáng chế, bởi việc đưa ra thị trường các sản phẩm dập khuôn kiểu dáng, hoặc việc sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, và những hành động đó không phát sinh bất kỳ quyền nào cho người thứ ba hoặc bất kỳ quyền sở hữu cá nhân nào. Mọi quyền mà bên thứ ba đạt được trước ngày nộp đơn đầu tiên - đơn là cơ sở cho quyền ưu tiên - vẫn được duy trì theo luật quốc gia của mỗi nước thành viên của Liên minh.

C - (1) Thời hạn nói trên là 12 tháng đối với sáng chế và mẫu hữu ích, 6 tháng đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá.

(2) Thời hạn nói trên bắt đầu từ ngày nộp đơn đầu tiên; ngày nộp đơn đầu tiên không tính trong thời hạn.

(3) Nếu ngày cuối cùng của thời hạn là ngày lễ chính thức hoặc ngày Cơ quan sở hữu công nghiệp không nhận đơn tại nước có yêu cầu bảo hộ, thời hạn sẽ được kéo dài tới ngày làm việc đầu tiên tiếp theo đó.

(4) Đơn nộp sau hiểu theo nghĩa ở khoản (2) trên đây đề cập đến cùng một đối tượng như trong đơn đầu tiên nộp tại chính nước thành viên đó của Liên minh sẽ được coi là đơn đầu tiên, và ngày nộp đơn đó sẽ là thời điểm mốc để tính thời hạn ưu tiên, nếu tại thời điểm nộp đơn sau, đơn nộp trước nói trên đã được rút bỏ, không được xem xét tiếp hoặc bị từ chối nhưng chưa đưa ra xét nghiệm công chúng và không để lại bất kỳ quyền nào chưa giải quyết, và nếu chưa phải là cơ sở để xin hưởng quyền ưu tiên. Lúc đó, đơn nộp trước sẽ không được dùng làm cơ sở để xin hưởng quyền ưu tiên nữa.

D - (1) Bất kỳ ai muốn hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn nộp trước sẽ phải khai rõ ngày nộp và nước nhận đơn đó. Mỗi nước phải ấn định ngày muộn nhất phải khai các dữ liệu đó.

(2) Các dữ kiện nói trên phải được công bố trong các tài liệu của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể là trong patent và các bản mô tả liên quan.

(3) Các nước thành viên của Liên minh có thể yêu cầu bất kỳ người khai nào nói trên phải nộp bản sao (bản mô tả, bản vẽ v.v...) của đơn nộp trước. Bản sao - được cơ quan có thẩm quyền đã nhận đơn đó xác nhận - không đòi hỏi bất kỳ sự xác nhận nào khác, và trong mọi trường hợp đều có thể nộp miễn phí tại bất kỳ thời điểm nào trong vòng 3 tháng kể từ ngày nộp đơn nộp sau. Các nước thành viên có thể yêu cầu bản sao phải được nộp kèm theo giấy xác nhận ngày nộp đơn đó do chính cơ quan có thẩm quyền nói trên cấp, và kèm theo bản dịch.

(4) Không được đưa ra bất kỳ yêu cầu nào khác tại thời điểm nộp đơn về hình thức đối với bản khai về quyền ưu tiên. Mỗi nước thành viên của Liên minh phải ấn định hậu quả của việc không thoả mãn các yêu cầu về hình thức quy định trong Điều này, nhưng hậu quả đó trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được vượt quá mức mất quyền ưu tiên.

(5) Sau đó, có thể yêu cầu nộp thêm bằng chứng. Bất kỳ người nào xin hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn nộp trước đều phải chỉ ra số đơn đó; số đơn này phải được công bố như quy định tại khoản (2) trên đây.

E - (1) Nếu một đơn kiểu dáng công nghiệp nộp tại một nước với yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở một đơn mẫu hữu ích, thời hạn quyền ưu tiên sẽ là thời hạn ấn định cho kiểu dáng công nghiệp.

(2) Ngoài ra, có thể cho phép nộp một đơn mẫu hữu ích tại một nước với yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở một đơn sáng chế, và ngược lại.

F - Không một nước thành viên nào của Liên minh được từ chối quyền ưu tiên hoặc từ chối một đơn sáng chế vì lý do người nộp đơn yêu cầu hưởng quyền ưu tiên phức hợp, thậm chí cả khi các quyền ưu tiên bắt nguồn từ nhiều nước khác nhau, hoặc vì lý do đơn có yêu cầu hưởng một hoặc nhiều quyền ưu tiên có chứa một hoặc nhiều yếu tố không nằm trong đơn hoặc các đơn là cơ sở yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, với điều kiện là, trong cả hai trường hợp đó đơn phải thoả mãn tính thống nhất của sáng chế theo quy định của luật quốc gia.

Với những yếu tố không nằm trong đơn hoặc các đơn là cơ sở yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, việc nộp đơn sau làm phát sinh quyền ưu tiên theo những điều kiện thông thường.

G - (1) Nếu kết quả xét nghiệm khẳng định rằng đơn sáng chế bao gồm nhiều sáng chế, người nộp đơn có thể tách đơn thành một số lượng nhất định các đơn riêng và giữ ngày nộp đơn ban đầu làm ngày nộp đơn của mỗi đơn đó và giữ nguyên quyền ưu tiên, nếu có.

(2) Người nộp đơn cũng có thể tự mình chủ động tách đơn sáng chế và giữ ngày nộp đơn ban đầu làm ngày nộp đơn của mỗi đơn mới tách và giữ nguyên quyền ưu tiên, nếu có. Mỗi nước thành viên của Liên minh có quyền xác định các điều kiện cho phép tách đơn như vậy.

H - Quyền ưu tiên không thể bị từ chối với lý do là một số yếu tố của sáng chế có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên không xuất hiện trong số các yêu cầu bảo hộ của đơn nộp ở nước xuất xứ, với điều kiện là toàn bộ các tài liệu của đơn đó bộc lộ rõ các yếu tố như vậy.

I - (1) Đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế nộp tại nước mà người nộp đơn có quyền tự lựa chọn giữa đơn xin cấp patent và đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế sẽ phát sinh quyền ưu tiên như quy định trong Điều này, với những điều kiện và hậu quả giống như đơn xin cấp patent.

(2) Tại nước mà người nộp đơn có quyền tự lựa chọn giữa việc xin cấp patent và việc xin cấp bằng tác giả sáng chế, người nộp đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế sẽ được hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn xin cấp patent, đơn mẫu hữu ích hoặc đơn xin cấp bằng tác giả sáng chế, theo những quy định của Điều này liên quan đến đơn xin cấp patent.

**Điều 4<sup>bis</sup>.** Patent: Sự độc lập của các patent cấp cho cùng một sáng chế tại các nước khác nhau

(1) Các patent do công dân của các nước thành viên của Liên minh xin cấp tại các nước thành viên khác nhau của Liên minh sẽ độc lập với những patent cấp cho cùng một sáng chế ở những nước khác bất kể nước đó có hay không là thành viên của Liên minh.

(2) Quy định ở khoản (1) trên đây phải hiểu theo nghĩa không bị hạn chế, cụ thể với nghĩa là patent cấp cho đơn nộp trong thời hạn ưu tiên sẽ độc lập cả về phương diện lý do dẫn đến huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực, cả về phương diện xác định thời hạn hiệu lực thông thường.

(3) Quy định của Điều này áp dụng cho tất cả những patent đang tồn tại tại thời điểm Điều này bắt đầu có hiệu lực.

(4) Tương tự như vậy, Điều này cũng áp dụng cho cả những patent tồn tại trước hoặc sau thời điểm gia nhập Công ước của những nước thành viên mới.

(5) Các patent được cấp ở các nước thành viên khác nhau của Liên minh trên cơ sở hưởng quyền ưu tiên có thời hạn hiệu lực bằng thời hạn hiệu lực như thể các patent đó được cấp mà không hưởng quyền ưu tiên.

**Điều 4<sup>ter</sup>.** Patent: Nêu tên nhà sáng chế trong patent

Tác giả sáng chế có quyền được nêu tên với danh nghĩa là tác giả sáng chế trong patent.

**Điều 4<sup>quater</sup>.** Patent: Khả năng được cấp patent trong trường hợp pháp luật hạn chế việc bán

Không thể từ chối cấp patent và không thể huỷ bỏ hiệu lực của patent với lý do luật quốc gia cấm hoặc hạn chế việc bán sản phẩm được cấp patent hoặc sản phẩm thu được bằng phương pháp được cấp patent .

**Điều 5.** A - Patent: Nhập khẩu hàng hoá; không sử dụng hoặc sử dụng không đầy đủ, Li-xăng cường bức; B - Kiểu dáng công nghiệp: Không sử dụng, nhập khẩu hàng hoá; C - Nhãn hiệu hàng hoá: Không sử dụng, khác mẫu; Sử dụng bởi các đồng sở hữu chủ; D - Patent, mẫu hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp: đánh dấu

A - (1) Việc chủ patent nhập khẩu vào nước đã cấp patent những hàng hoá được chế tạo tại bất cứ một nước nào là thành viên của Liên minh sẽ không dẫn tới việc bị tước quyền theo patent.

(2) Mỗi nước thành viên của Liên minh đều có quyền đưa ra những biện pháp pháp lý quy định việc cấp li-xăng cường bức nhằm ngăn chặn việc lạm dụng có thể nảy sinh từ việc thực hiện độc quyền được xác lập bởi patent, ví dụ như không sử dụng sáng chế.

(3) Không được quy định việc tước quyền patent, trừ trường hợp việc cấp li-xăng cường bức chưa đủ để ngăn chặn sự lạm dụng nêu trên. Việc tước quyền hoặc huỷ bỏ patent không được tiến hành trước khi hết thời hạn hai năm kể từ khi cấp li-xăng cường bức đầu tiên.

(4) Không được áp dụng li-xăng cường bức với lý do không sử dụng hoặc sử dụng không đầy đủ trước khi hết thời hạn 4 năm kể từ ngày nộp đơn xin cấp patent hoặc 3 năm kể từ ngày cấp patent, tùy theo thời hạn nào kết thúc muộn hơn; li-xăng cường bức sẽ bị rút bỏ nếu chủ patent chứng minh được việc không sử dụng của mình là vì những lý do chính đáng. Li-xăng cường bức nói trên là li-xăng không độc quyền và không được chuyển giao, thậm chí dưới hình thức cấp li-xăng thứ cấp, trừ trường hợp chuyển giao cùng với một phần của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở thương mại đang sử dụng li-xăng đó.

(5) Những quy định trên cũng được áp dụng cho mẫu hữu ích, với những sửa đổi bổ sung cần thiết.

B - Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp cũng không thể bị đình chỉ, vì lý do không sử dụng hoặc vì lý do nhập khẩu các hàng hoá tương tự với các đối tượng đang được bảo hộ.

C - (1) Nếu tại bất kỳ nước nào mà việc sử dụng nhãn hiệu hàng hoá đã đăng ký là bắt buộc, thì việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá chỉ bị huỷ bỏ sau một thời gian hợp lý, và chỉ khi mà người có liên quan không biện hộ được việc không sử dụng của mình.

(2) Việc chủ nhãn hiệu hàng hoá sử dụng nhãn hiệu theo mẫu khác biệt về chi tiết, nhưng không làm thay đổi tính phân biệt của nhãn hiệu theo mẫu đã được đăng ký tại một nước thành viên bất kỳ của Liên minh sẽ không dẫn tới việc đình chỉ đăng ký và không thể hạn chế sự bảo hộ đã dành cho nhãn hiệu.

(3) Việc các cơ sở thương mại hoặc công nghiệp được coi là đồng sở hữu chủ của nhãn hiệu theo quy định tại luật của nước bảo hộ sử dụng đồng thời cùng một nhãn hiệu trên một loại hàng hoá giống nhau hoặc tương tự sẽ không ngăn cản việc đăng ký hoặc hạn chế việc bảo hộ nhãn hiệu dưới bất kỳ hình thức nào tại bất cứ nước thành viên nào của Liên minh, nếu việc sử dụng đó không gây nhầm lẫn cho công chúng và trái với lợi ích xã hội.

D - Không được đòi hỏi phải gắn trên hàng hoá một chỉ dẫn hoặc một chú giải nào về patent, mẫu hữu ích, về việc đăng ký nhãn hiệu hàng hoá hoặc kiểu dáng công nghiệp như là một điều kiện để công nhận quyền được bảo hộ.

**Điều 5<sup>bis</sup>.** Tất cả các quyền sở hữu công nghiệp: Thời hạn chiếu cố để nộp lệ phí duy trì hiệu lực; Patent: Phục hồi

(1) Một thời hạn tối thiểu là 6 tháng phải được gia hạn thêm để thực hiện việc nộp lệ phí duy trì hiệu lực quyền sở hữu công nghiệp, với điều kiện phải nộp lệ phí bổ sung nếu luật quốc gia quy định.

(2) Các nước thành viên của Liên minh được quyền quy định việc phục hồi patent trong trường hợp bị mất hiệu lực vì không nộp lệ phí.

**Điều 5<sup>ter</sup>.** Patent: Các thiết bị được cấp patent, là một bộ phận của tàu thủy, máy bay, hoặc phương tiện giao thông trên bộ

Trong mọi nước thành viên của Liên minh, các hành động sau đây không bị coi là xâm phạm quyền của chủ patent:

1. Sử dụng các thiết bị thuộc đối tượng của quyền patent trên thân tàu, trên máy tàu, cần trục, phụ tùng và các thiết bị khác trên tàu thủy thuộc quyền sở hữu của các nước thành viên khác của Liên minh khi các tàu này tạm thời hoặc ngẫu nhiên đi vào lãnh thủy của nước đó, với điều kiện rằng những thiết bị đó được sử dụng chỉ để đáp ứng nhu cầu của tàu;

2. Sử dụng các thiết bị hoặc các thiết bị phụ trợ hoặc phương tiện giao thông trên bộ thuộc đối tượng của quyền patent trong kết cấu hoặc hoạt động của các máy bay hoặc phương tiện giao thông trên bộ của các nước thành viên khác của Liên minh, khi các phương tiện này tạm thời hoặc ngẫu nhiên đi vào nước nói trên.

**Điều 5<sup>quater</sup>.** Patent: nhập khẩu sản phẩm được sản xuất theo phương pháp được bảo hộ tại nước nhập khẩu

Trong trường hợp sản phẩm được nhập khẩu vào một nước thành viên của Liên minh mà ở đó đang tồn tại patent cấp cho phương pháp sản xuất ra sản phẩm nói trên thì chủ patent có mọi quyền mà luật pháp nước nhập khẩu dành cho chủ patent đối với các sản phẩm được chế tạo trong nước trên cơ sở patent về phương pháp đối với sản phẩm nhập khẩu.

**Điều 5<sup>quinqies</sup>.** Kiểu dáng công nghiệp

Kiểu dáng công nghiệp phải được bảo hộ tại tất cả các nước thành viên của Liên minh.

**Điều 6.** Nhãn hiệu: Điều kiện đăng ký; sự độc lập của việc bảo hộ một nhãn hiệu tại các nước khác nhau

(1) Điều kiện nộp đơn và đăng ký nhãn hiệu hàng hoá phải được quy định tại luật quốc gia của mọi nước thành viên của Liên minh.

(2) Tuy vậy, một đơn đăng ký nhãn hiệu do công dân của một nước thành viên của Liên minh nộp tại bất cứ nước nào trong Liên minh cũng không thể bị từ chối - hoặc một đăng ký nhãn hiệu cũng không thể bị huỷ bỏ - với lý do rằng việc nộp đơn, đăng ký, hoặc gia hạn tại nước xuất xứ không có hiệu lực.

(3) Một nhãn hiệu đã đăng ký hợp lệ tại một nước thành viên của Liên minh được coi là không phụ thuộc vào các nhãn hiệu đăng ký tại các nước thành viên khác của Liên minh, kể cả nước xuất xứ.

**Điều 6<sup>bis</sup>.** [Nhãn hiệu: Nhãn hiệu nổi tiếng]

(1) Một cách mặc nhiên nếu luật quốc gia cho phép điều đó, hoặc theo đề nghị của bên có liên quan, các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm từ chối hoặc huỷ bỏ đăng ký, ngăn cấm việc sử dụng nhãn hiệu mà nhãn hiệu đó là sự sao chép, bắt chước, biên dịch, và có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được cơ quan có thẩm quyền của nước đăng ký hoặc nước sử dụng coi là nhãn hiệu nổi tiếng tại nước đó của người được Công ước cho hưởng lợi thế sử dụng nhãn hiệu đó trên các loại hàng hoá giống hoặc tương tự. Những quy định này cũng được áp dụng trong trường hợp thành phần chủ yếu của nhãn hiệu là sự sao chép của bất kỳ nhãn hiệu nổi tiếng nào hoặc là sự bắt chước có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đó.

(2) Thời hạn được yêu cầu huỷ bỏ nhãn hiệu như vậy: không ít hơn 5 năm kể từ ngày đăng ký nhãn hiệu. Các nước thành viên của Liên minh có quyền quy định thời hạn theo đó có thể yêu cầu cấm sử dụng nhãn hiệu.

(3) Không được phép quy định thời hạn yêu cầu huỷ bỏ hoặc ngăn cấm việc sử dụng những nhãn hiệu được đăng ký hoặc được sử dụng với dụng ý xấu.

**Điều 6<sup>ter</sup>.** Nhãn hiệu: Các điều cấm liên quan đến quốc huy, dấu kiểm tra chính thức và biểu tượng của các tổ chức liên Chính phủ

(1) (a) Các nước thành viên của Liên minh thoả thuận từ chối hoặc huỷ bỏ việc đăng ký, ngăn cấm bằng các biện pháp thích hợp việc sử dụng làm nhãn hiệu hoặc thành phần của nhãn hiệu - mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền - các quốc huy, quốc kỳ hoặc các biểu tượng quốc gia khác của các nước thành viên của Liên minh, các dấu hiệu kiểm tra xác nhận hoặc bảo đảm chính thức được các nước đó chấp nhận, và bất cứ sự bắt chước nào mang đặc điểm huy hiệu.

(b) Quy định tại điểm (a) trên đây cũng được áp dụng tương đương đối với các huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế liên Chính phủ mà có một hoặc nhiều nước thành viên của Liên minh tham gia, trừ trường hợp các huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên đầy đủ đã là đối tượng của các điều ước quốc tế đang có hiệu lực nhằm bảo đảm việc bảo hộ các đối tượng đó.

(c) Không một nước thành viên nào của Liên minh bị bắt buộc phải áp dụng quy định tại điểm (b) trên đây gây tổn hại đến quyền đã có được một cách trung thực trước khi Công ước này có hiệu lực tại nước đó. Các nước thành viên của Liên minh cũng không bị bắt buộc phải áp dụng các quy định nói trên, nếu việc sử dụng hoặc đăng ký nêu tại điểm (a) trên đây về bản chất không gây ấn tượng cho công chúng về sự tồn tại của mối liên hệ giữa tổ chức có liên quan và huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên đầy đủ, hoặc việc sử dụng hoặc đăng ký rõ ràng là về bản chất không nhằm gây nhầm lẫn cho công chúng về sự tồn tại của mối quan hệ giữa người sử dụng và tổ chức.

(2) Việc cấm sử dụng các dấu hiệu kiểm tra xác nhận và bảo đảm chính thức chỉ áp dụng trong các trường hợp khi nhãn hiệu có chứa chúng được nhằm để sử dụng trên hàng hoá cùng loại hoặc tương tự.



(3) (a) Để áp dụng các quy định này, các nước thành viên của Liên minh thoả thuận thông qua Văn phòng quốc tế thông báo cho nhau danh sách các biểu tượng quốc gia, các dấu hiệu kiểm tra xác nhận và bảo đảm chính thức mà họ muốn đưa vào bảo hộ hoặc sau này sẽ đưa vào bảo hộ toàn bộ hoặc có giới hạn nhất định theo quy định của Điều này, và tất cả những thay đổi tiếp theo của bản danh sách đó. Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm kịp thời tạo điều kiện để công chúng được biết bản danh sách đã được thông báo.

Tuy vậy, việc thông báo này không là bắt buộc đối với quốc kỳ của các quốc gia.

(b) Các quy định của điểm (b) khoản (1) của Điều này chỉ được áp dụng cho huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt, tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế liên Chính phủ nếu như các tổ chức này đã thông báo cho các nước thành viên của Liên minh thông qua Văn phòng quốc tế.

(4) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo, bất cứ nước thành viên nào của Liên minh cũng có thể chuyển từ chối của mình, nếu có, đến nước hoặc tổ chức quốc tế liên Chính phủ có liên quan, thông qua Văn phòng quốc tế.

(5) Đối với quốc kỳ của các nước, các biện pháp được quy định theo khoản (1) nêu trên, chỉ được áp dụng đối với các nhãn hiệu được đăng ký sau ngày 6.11.1925.

(6) Đối với các biểu tượng quốc gia, trừ quốc kỳ, và các dấu hiệu và dấu xác nhận chính thức của các nước thuộc Liên minh, và đối với huy hiệu, cờ, các biểu tượng khác, tên viết tắt và tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, các quy định này chỉ áp dụng đối với nhãn hiệu được đăng ký sau hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo quy định tại khoản (3) nêu trên.

(7) Trong trường hợp có dụng ý xấu, các nước có quyền huỷ bỏ thậm chí cả các nhãn hiệu đã được đăng ký trước ngày 6. 11. 1925 có chứa biểu tượng, dấu hiệu, dấu xác nhận quốc gia.

(8) Công dân của bất cứ nước nào được phép sử dụng biểu tượng, dấu hiệu, dấu hiệu xác nhận quốc gia của nước mình, có thể sử dụng các dấu hiệu đó, ngay cả khi chúng tương tự với các biểu tượng như vậy của nước khác.

(9) Các nước thành viên của Liên minh phải ngăn cấm việc sử dụng trái phép trong thương mại các quốc huy của các nước thành viên khác của Liên minh, nếu việc sử dụng đó về bản chất có thể gây nhầm lẫn về xuất xứ của hàng hoá.

(10) Các quy định trên không ngăn cản các nước thành viên thực hiện quyền được quy định trong khoản (3) Điều 6<sup>quinquies</sup>, mục B nhằm từ chối đăng ký hoặc huỷ bỏ đăng ký các nhãn hiệu có chứa trái phép các huy hiệu, cờ, biểu tượng quốc gia khác, hoặc các dấu hiệu và dấu xác nhận chính thức được chấp nhận bởi các nước thành viên của Liên minh, cũng như các dấu hiệu phân biệt của các tổ chức quốc tế liên Chính phủ quy định tại khoản (1) nêu trên.

**Điều 6<sup>quater</sup>.** Nhãn hiệu: Chuyển giao nhãn hiệu

(1) Trong trường hợp luật của một nước thành viên của Liên minh, quy định rằng việc chuyển giao nhãn hiệu chỉ có hiệu lực nếu thực hiện đồng thời với việc chuyển giao cơ sở sản xuất hoặc thương mại có nhãn hiệu, thì điều kiện đủ để công nhận hiệu lực của việc chuyển giao đó là bộ phận của cơ sở sản xuất hoặc thương mại nằm trên lãnh thổ nước đó cũng được chuyển giao cho người nhận cùng với độc quyền sản xuất hoặc bán hàng hoá mang nhãn hiệu tại nước đó.

(2) Quy định nêu trên không ấn định trách nhiệm cho các nước thành viên của Liên minh liên quan đến hiệu lực của việc chuyển giao một nhãn hiệu khi mà người nhận chuyển giao sử dụng

nhãn hiệu đó, trong thực tế, về bản chất có thể gây nhầm lẫn cho công chúng, đặc biệt là về xuất xứ, bản chất, chất lượng chủ yếu của hàng hoá mang nhãn hiệu.

**Điều 6<sup>quinquies</sup>.** Nhãn hiệu: Bảo hộ ở các nước thành viên của Liên minh các nhãn hiệu đã được đăng ký ở một nước thành viên của Liên minh

A - (1) Bất cứ nhãn hiệu nào được đăng ký hợp lệ tại nước xuất xứ cũng phải được chấp nhận nộp đơn và bảo hộ như nó vốn có tại các nước thành viên khác của Liên minh, với một số quy định tại Điều này. Các nước này có thể, trước khi kết thúc quá trình đăng ký, yêu cầu xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tại nước xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy chứng nhận đó không cần phải xác nhận.

(2) Nước được coi là nước xuất xứ là nước thành viên của Liên minh mà người nộp đơn có cơ sở sản xuất hoặc thương mại thực sự và có hiệu quả, hoặc nếu không có cơ sở như vậy trong phạm vi Liên minh thì là nước thành viên của Liên minh mà người nộp đơn có chỗ ở cố định, hoặc nếu không có chỗ ở cố định trong phạm vi Liên minh thì là nước thành viên của Liên minh mà người nộp đơn là công dân.

B - Trừ các trường hợp sau đây, các nhãn hiệu thuộc phạm vi hiệu lực của Điều này sẽ không bị từ chối việc đăng ký hoặc bị huỷ bỏ:

1. Khi các nhãn hiệu đó xâm phạm quyền của bên thứ ba tại nước có yêu cầu bảo hộ.
2. Khi các nhãn hiệu đó không hề có bất cứ dấu hiệu phân biệt nào, hoặc chỉ bao gồm toàn các dấu hiệu hoặc chỉ dẫn được sử dụng trong thương mại để chỉ chủng loại, chất lượng, số lượng, mục đích sử dụng, giá trị, xuất xứ của hàng hoá, hoặc thời gian sản xuất, hoặc đã trở thành thông dụng trong ngôn ngữ hiện thời hoặc trong tập quán thương mại lành mạnh và lâu đời tại nước có yêu cầu bảo hộ.
3. Khi các nhãn hiệu đó trái với đạo đức hoặc trật tự công cộng, đặc biệt về bản chất chúng có thể gây nhầm lẫn cho công chúng. Điều này được hiểu rằng nhãn hiệu không thể bị coi là xâm phạm trật tự công cộng chỉ vì lý do duy nhất là nhãn hiệu đó không phù hợp với một quy định nào đó của pháp luật về nhãn hiệu, trừ trường hợp chính quy định đó liên quan đến trật tự công cộng.

Tuy vậy, quy định này vẫn phụ thuộc vào việc áp dụng Điều 10<sup>bis</sup>

C - (1) Để xác định việc bảo hộ nhãn hiệu có thích hợp hay không, cần phải tính tới tất cả các hoàn cảnh thực tế, đặc biệt là khoảng thời gian mà nhãn hiệu đã được sử dụng.

(2) Không có nhãn hiệu nào bị từ chối tại các nước thành viên khác của Liên minh chỉ với một lý do duy nhất rằng nhãn hiệu đó khác biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ tại nước xuất xứ chỉ bởi các yếu tố không làm thay đổi khả năng phân biệt của nhãn hiệu, và không làm ảnh hưởng đến tính đồng nhất của nhãn hiệu theo mẫu mà nhãn hiệu đó đã được đăng ký tại nước xuất xứ nói trên.

D - Không ai được sử dụng các quy định của Điều này, nếu nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ không được đăng ký tại nước xuất xứ.

E- Tuy vậy, trong bất kỳ trường hợp nào, việc gia hạn một nhãn hiệu tại nước xuất xứ cũng không dẫn tới trách nhiệm phải gia hạn tại các nước thành viên khác của Liên minh là nơi mà nhãn hiệu đó đã được đăng ký.

F - Quyền ưu tiên không bị ảnh hưởng đối với các đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp trong thời hạn quy định tại Điều 4, thậm chí nếu việc đăng ký tại nước xuất xứ có hiệu lực sau khi hết thời hạn đó.

**Điều 6<sup>sexies</sup>.** Nhãn hiệu: Nhãn hiệu dịch vụ

Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm bảo hộ nhãn hiệu dịch vụ. Các nước này không bị bắt buộc phải định ra việc đăng ký các nhãn hiệu đó.

**Điều 6<sup>septies</sup>.** Nhãn hiệu: Đăng ký nhãn hiệu dưới tên của người đại diện hoặc đại lý mà không được chủ nhãn hiệu cho phép

(1) Nếu đại lý hoặc người đại diện của người là chủ nhãn hiệu tại một trong số các nước thành viên của Liên minh vẫn nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho chính mình tại một hoặc nhiều nước thành viên của Liên minh, mà không được sự cho phép của người chủ đó thì chủ nhãn hiệu có quyền phản đối việc đăng ký hoặc đề nghị huỷ bỏ việc đăng ký đó, hoặc, nếu luật quốc gia cho phép, chuyển việc đăng ký đó cho mình, trừ trường hợp đại lý hoặc người đại diện biện hộ được cho hành động của mình.

(2) Người chủ nhãn hiệu, theo các quy định tại khoản (1) nêu trên, có quyền phản đối việc đại lý hoặc người đại diện sử dụng nhãn hiệu của mình nếu không cho phép việc sử dụng đó.

(3) Luật quốc gia có thể quy định một thời hạn hợp lý mà theo đó chủ nhãn hiệu có thể thực hiện quyền đã được quy định tại Điều này.

**Điều 7.** Nhãn hiệu: Bản chất của hàng hoá được gắn nhãn hiệu

Trong bất cứ trường hợp nào thì bản chất của hàng hoá được gắn nhãn hiệu cũng không tạo ra trở ngại cho việc đăng ký nhãn hiệu.

**Điều 7<sup>bis</sup>.** Nhãn hiệu: Nhãn hiệu tập thể

(1) Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm chấp nhận đơn đăng ký và bảo hộ các nhãn hiệu tập thể thuộc về các tập thể mà sự tồn tại của các tập thể đó không trái với luật pháp của nước xuất xứ, thậm chí nếu các tập thể đó không sở hữu cơ sở công nghiệp và thương mại.

(2) Mỗi nước phải tự xác định các điều kiện cụ thể mà theo đó nhãn hiệu tập thể sẽ được bảo hộ và có thể từ chối bảo hộ nếu nhãn hiệu đó trái với lợi ích xã hội.

(3) Tuy vậy, trong trường hợp mà sự tồn tại của tập thể đó không trái với luật pháp của nước xuất xứ, việc bảo hộ các nhãn hiệu này không thể bị từ chối với lý do rằng tập thể đó không được thiết lập tại nước được yêu cầu bảo hộ hoặc không được thiết lập theo luật của nước đó.

**Điều 8.** Tên thương mại

Tên thương mại được bảo hộ ở tất cả các nước thành viên của Liên minh mà không bị bắt buộc phải nộp đơn hoặc đăng ký, bất kể tên thương mại đó có hay không là một phần của một nhãn hiệu hàng hoá.

**Điều 9.** Nhãn hiệu, Tên thương mại: Thu giữ khi nhập khẩu hàng hoá có gắn trái phép nhãn hiệu hàng hoá hay tên thương mại

(1) Tất cả hàng hoá mang nhãn hiệu hàng hoá hoặc tên thương mại một cách bất hợp pháp đều bị thu giữ khi nhập khẩu vào những nước thành viên của Liên minh nơi nhãn hiệu hàng hoá hoặc tên thương mại đó được bảo hộ pháp lý.

(2) Việc thu giữ hàng hoá cũng thực hiện tại nước nơi xảy ra việc gắn nhãn hiệu hàng hoá hoặc tên thương mại một cách trái phép hoặc tại nước nơi hàng hoá đã được nhập khẩu vào.

(3) Theo luật quốc gia của mỗi nước, việc thu giữ hàng hoá được tiến hành theo yêu cầu của cơ quan công tố, hoặc của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào khác, hoặc của bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào có liên quan .

(4) Các cơ quan có thẩm quyền không bị bắt buộc phải thu giữ hàng hoá quá cảnh.

(5) Nếu luật pháp quốc gia của một nước không cho phép thu giữ hàng hoá khi nhập khẩu, việc thu giữ được thay thế bằng biện pháp cấm nhập khẩu hoặc thu giữ hàng hoá trong nội địa.

(6) Nếu luật pháp quốc gia của một nước không cho phép thu giữ hàng hoá khi nhập khẩu, cũng như không cho phép cấm nhập khẩu hoặc thu giữ hàng hoá trong nội địa thì, chừng nào luật quốc gia đó chưa được sửa đổi một cách phù hợp, những biện pháp đó được thay thế bằng các hành động và biện pháp phù hợp mà luật của nước đó áp dụng trong những trường hợp tương tự như vậy đối với các công dân của mình.

**Điều 10.** Chỉ dẫn sai lệch: Thu giữ khi nhập khẩu hàng hoá có chỉ dẫn sai lệch về nguồn gốc hoặc về người sản xuất

(1) Các quy định của Điều trên đây cũng được áp dụng trong trường hợp sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp các chỉ dẫn sai lệch về nguồn gốc của hàng hoá hoặc về nhà sản xuất, nhà công nghiệp, hoặc thương gia.

(2) Bất kỳ nhà sản xuất, nhà công nghiệp, hoặc thương gia nào, dù là cá nhân hay pháp nhân, mà tham dự vào việc sản xuất, chế tạo hoặc buôn bán các hàng hoá đó và có cơ sở đặt tại địa điểm đã bị chỉ dẫn sai lệch như là nguồn gốc, hoặc đặt tại vùng có địa điểm đó, hoặc tại nước bị chỉ dẫn sai lệch, hoặc tại nước mà chỉ dẫn sai lệch về nguồn gốc được sử dụng, thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng được coi là bên có liên quan.

**Điều 10<sup>bis</sup>.** Cạnh tranh không lành mạnh

(1) Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm bảo đảm cho công dân của các nước thành viên đó sự bảo hộ có hiệu quả chống lại hành động cạnh tranh không lành mạnh.

(2) Bất cứ hành động nào trái với tập quán trung thực trong công nghiệp và thương mại đều bị coi là hành động cạnh tranh không lành mạnh.

(3) Cụ thể, những hành động sau đây phải bị ngăn cấm:

1. tất cả những hành động có khả năng gây nhầm lẫn dưới bất cứ hình thức nào đối với cơ sở, hàng hoá, hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh của người cạnh tranh;

2. những khẳng định sai lệch trong hoạt động thương mại có khả năng gây mất uy tín đối với cơ sở, hàng hoá, hoạt động công nghiệp hoặc thương mại của người cạnh tranh;

3. những chỉ dẫn hoặc khẳng định mà việc sử dụng chúng trong hoạt động thương mại có thể gây nhầm lẫn cho công chúng về bản chất, quá trình sản xuất, tính chất, tính thích hợp để sử dụng hoặc số lượng của hàng hoá.

**Điều 10<sup>ter</sup>.** [Nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, chỉ dẫn sai lệch, cạnh tranh không lành mạnh: Công cụ bảo vệ, quyền yêu cầu toà án xét xử]

(1) Các nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm bảo đảm cho công dân của các nước thành viên khác của Liên minh các công cụ pháp lý thích hợp để ngăn chặn có hiệu quả tất cả các hành động được nêu tại các Điều 9, 10, và 10<sup>bis</sup>.

(2) Ngoài ra, các nước có trách nhiệm đưa ra các biện pháp cho phép các liên đoàn, hiệp hội đại diện cho quyền lợi của các nhà công nghiệp, các nhà sản xuất, hoặc các thương gia, với điều kiện sự tồn tại của các liên đoàn và hiệp hội đó không trái với luật của nước họ, được kiện tại toà án hoặc trước các cơ quan hành chính nhằm mục đích ngăn chặn các hành động được nêu tại các Điều 9, 10 và 10<sup>bis</sup>, trong phạm vi mà luật của nước có yêu cầu bảo hộ cho phép thực hiện việc kiện bởi các liên đoàn và hiệp hội như vậy của nước đó.

**Điều 11.** Sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá: Bảo hộ tạm thời tại những cuộc triển lãm quốc tế nhất định

(1) Các nước thành viên của Liên minh, theo luật quốc gia của mình, dành sự bảo hộ tạm thời cho các sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá có khả năng được bảo hộ đối với các hàng hoá trưng bày tại các triển lãm quốc tế chính thức hoặc được công nhận là chính thức tổ chức tại một trong số các nước đó.

(2) Sự bảo hộ tạm thời nêu trên không được kéo dài quá thời hạn quy định tại Điều 4. Nếu sau này có yêu cầu quyền ưu tiên thì các cơ quan có thẩm quyền của mỗi nước đều có thể tính thời hạn từ ngày bắt đầu trưng bày hàng hoá tại triển lãm.

(3) Mỗi nước có thể yêu cầu, như là để chứng minh đặc điểm để nhận biết của sản phẩm được trưng bày và của ngày trưng bày, các tài liệu nước đó cho là cần thiết.

**Điều 12.** Các cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp của các nước

(1) Mỗi nước thành viên của Liên minh có trách nhiệm thành lập một cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp và một cơ quan Trung ương để công bố cho công chúng các patent sáng chế, các mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá.

(2) Cơ quan chuyên môn này xuất bản định kỳ Công báo chính thức. Cơ quan đó phải thường xuyên công bố:

- (a) tên chủ văn bằng bảo hộ và tên tóm tắt của các sáng chế đã được cấp văn bằng;
- (b) phiên bản của các nhãn hiệu đã được đăng ký.

**Điều 13.** Hội đồng của Liên minh

(1) (a) Liên minh có Hội đồng bao gồm các nước thành viên của Liên minh bị ràng buộc bởi các Điều từ 13 đến 17.

(b) Chính phủ của mỗi nước được đại diện bởi một đại biểu, đại biểu này có thể có các cấp phó, các cố vấn và các chuyên viên giúp việc.

(c) Các khoản chi phí của mỗi đoàn đại biểu do Chính phủ cử đoàn đại biểu đó trang trải

(2) (a) Hội đồng sẽ:

(i) xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến việc duy trì và phát triển Liên minh và việc thi hành Công ước này;

(ii) đưa ra các chỉ dẫn liên quan đến việc chuẩn bị các hội nghị về việc xem xét lại cho Văn phòng Sở hữu trí tuệ quốc tế (sau đây gọi là Văn phòng quốc tế) - theo Công ước về việc thành

lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (sau đây gọi là Tổ chức), có lưu ý thích đáng đến các ý kiến của các nước thành viên của Liên minh không bị ràng buộc bởi các Điều từ 13 đến 17;

(iii) xem xét và chuẩn y các báo cáo và hoạt động của Tổng Giám đốc của Tổ chức liên quan đến Liên minh và đưa ra cho Tổng Giám đốc tất cả các chỉ dẫn cần thiết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Liên minh;

(iv) bầu cử các thành viên của Ủy ban chấp hành của Hội đồng;

(v) xem xét và chuẩn y các báo cáo và hoạt động của Ủy ban chấp hành và đưa ra các chỉ dẫn cho Ủy ban chấp hành;

(vi) xác định chương trình, thông qua ngân sách 3 năm của Liên minh và chuẩn y các quyết toán tài chính của Liên minh;

(vii) chuẩn y các quy định về tài chính của Liên minh;

(viii) thành lập các Ủy ban chuyên viên và các Nhóm công tác nếu thấy cần thiết để đạt được các mục đích của Liên minh;

(ix) xác định những nước nào không phải là thành viên của Liên minh và những tổ chức quốc tế phi Chính phủ và tổ chức liên Chính phủ nào được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Liên minh với tư cách quan sát viên;

(x) thông qua các sửa đổi các Điều từ 13 đến 17;

(xi) tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác phù hợp nhằm phục vụ cho những mục đích của Liên minh;

(xii) thực hiện tất cả các chức năng khác theo Công ước này;

(xiii) thực hiện các quyền mà Công ước thành lập Tổ chức dành cho mình nếu đồng ý.

(b) Đối với các vấn đề cũng là mối quan tâm của các Liên minh khác do Tổ chức điều hành thì Hội đồng thông qua quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban phối hợp của Tổ chức.

(3) (a) Theo các điều khoản của điểm (b), một đại biểu chỉ có thể đại diện cho một nước.

(b) Các nước thành viên của Liên minh đã thống nhất với nhau theo một thoả thuận riêng và đã thành lập một cơ quan chung đóng vai trò cơ quan quốc gia về sở hữu công nghiệp đối với mỗi nước theo Điều 12, có thể cùng được đại diện trong thời gian thảo luận bằng một nước trong số các nước đó.

(4) (a) Mỗi nước thành viên Hội đồng được một phiếu bầu.

(b) Một nửa số nước thành viên Hội đồng đủ để lập thành số đại biểu cần thiết.

(c) Mặc dù có các điều khoản ở điểm (b), nếu như tại một khoá họp nào đó số lượng các nước tham dự chỉ ít hơn một nửa, nhưng bằng hoặc nhiều hơn một phần ba số nước thành viên Hội đồng thì Hội đồng có thể thông qua các quyết định, tuy nhiên tất cả các quyết định của Hội đồng, trừ trường hợp các quyết định liên quan đến quy định thủ tục của chính Hội đồng, sẽ chỉ có hiệu lực nếu tuân thủ các điều kiện dưới đây. Văn phòng quốc tế gửi các quyết định nói trên cho các nước thành viên của Hội đồng mà không được đại diện trong Hội đồng và yêu cầu các nước này thông báo bằng văn bản, trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày gửi quyết định, ý kiến về việc thông qua, bỏ phiếu trắng hoặc phản đối các quyết định này. Nếu hết thời hạn nói trên mà số lượng nước đã bỏ phiếu như vậy hoặc thông báo rằng họ bỏ phiếu trắng chưa đạt đến con số đủ lập

thành số đại biểu cần thiết tại chính khoá họp thì các quyết định nói trên sẽ có hiệu lực với điều kiện vẫn giữ được đa số phiếu đồng thời đa số cần thiết.

(d) Theo các điều khoản của Điều 17(2) quyết định của Hội đồng đòi hỏi phải có hai phần ba số phiếu biểu quyết.

(e) Việc bỏ phiếu trắng không được coi là biểu quyết.

(5) (a) Theo các điều khoản của điểm (b) một đại biểu chỉ có thể biểu quyết thay mặt cho một nước.

(b) Các nước thành viên của Liên minh nêu tại khoản (3)(b), theo quy định chung, phải cố gắng cử đoàn đại biểu riêng của mình đi dự các khoá họp của Hội đồng. Tuy nhiên, nếu vì những lý do đặc biệt một nước nào đó trong số các nước nói trên không thể cử được đoàn đại biểu của chính mình thì có thể uỷ quyền cho một đoàn đại biểu của một nước khác bất kỳ trong số các nước như vậy thay mặt mình biểu quyết, với điều kiện một đoàn đại biểu chỉ có thể biểu quyết theo uỷ quyền thay mặt cho một nước. Việc uỷ quyền như vậy phải được quyết định trong một văn bản do Nguyên thủ quốc gia hoặc một Bộ trưởng có thẩm quyền ký.

(6) Các nước thành viên của Liên minh nhưng không phải là thành viên Hội đồng được tham dự các cuộc họp của Hội đồng với tư cách quan sát viên.

(7) (a) Hội đồng họp định kỳ 3 năm một lần theo triệu tập của Tổng Giám đốc và trừ những trường hợp đặc biệt, vào cùng thời gian và cùng địa điểm họp Đại Hội đồng của Tổ chức.

(b) Hội đồng có thể họp phiên bất thường do Tổng Giám đốc triệu tập theo yêu cầu của Ủy ban chấp hành hoặc theo yêu cầu của một phần tư số nước thành viên Hội đồng.

(8) Hội đồng sẽ chuẩn y các quy chế hoạt động của mình.

#### **Điều 14. Ủy ban chấp hành**

(1) Hội đồng có Ủy ban chấp hành.

(2) (a) Ủy ban chấp hành bao gồm các nước do Hội đồng bầu ra từ số các nước thành viên Hội đồng. Ngoài ra, nước mà trên lãnh thổ nước đó Tổ chức đặt trụ sở của mình, mặc nhiên có một ghế trong Ủy ban, với điều kiện tuân thủ các quy định của Điều 16(7)(b).

(b) Chính phủ của mỗi nước thành viên Ủy ban chấp hành do một đại biểu đại diện, đại biểu này có thể có các cấp phó, các cố vấn và các chuyên viên giúp việc.

(c) Chi phí của mỗi đoàn đại biểu do Chính phủ đã cử đoàn đại biểu đó trang trải.

(3) Số lượng các nước thành viên Ủy ban chấp hành bằng một phần tư số lượng các nước thành viên của Hội đồng. Khi xác định số lượng ghế cần bầu, phần dư khi chia cho bốn sẽ không được tính đến.

(4) Khi bầu cử các thành viên của Ủy ban chấp hành, Hội đồng sẽ lưu ý thích đáng đến sự phân chia hợp lý theo địa lý, cũng như đến sự cần thiết để những nước là thành viên của các thoả ước đặc biệt đã được ký kết có liên quan đến Liên minh, được nằm trong số những nước lập thành Ủy ban chấp hành.

(5) (a) Mỗi thành viên của Ủy ban chấp hành thực hiện chức năng của mình từ khi kết thúc phiên họp của Hội đồng mà thành viên đó được bầu đến khi kết thúc phiên họp thường kỳ tiếp theo của Hội đồng.

(b) Các thành viên Ủy ban chấp hành có thể được bầu lại nhưng tối đa không quá hai phần ba số thành viên.

(c) Hội đồng quy định cụ thể việc bầu cử và khả năng tái bầu cử của các thành viên Ủy ban chấp hành.

(6) (a) Ủy ban chấp hành phải:

(i) chuẩn bị dự thảo chương trình nghị sự của Hội đồng;

(ii) trình Hội đồng các đề nghị liên quan đến dự thảo chương trình và ngân sách 3 năm của Liên minh do Tổng Giám đốc chuẩn bị;

(iii) trong khuôn khổ chương trình và ngân sách 3 năm, thông qua các chương trình và ngân sách hàng năm do Tổng Giám đốc chuẩn bị;

(iv) trình Hội đồng các báo cáo thường kỳ của Tổng Giám đốc kèm theo nhận xét tương ứng và các báo cáo kết quả kiểm tra tài chính hàng năm;

(v) thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho Tổng Giám đốc thực hiện các chương trình của Liên minh phù hợp với các quyết định của Hội đồng, có lưu ý đến tình huống nảy sinh giữa hai phiên họp thường kỳ của Hội đồng;

(vi) thực hiện tất cả những chức năng khác được giao cho Ủy ban chấp hành theo Công ước này.

(b) Đối với các vấn đề mà các Liên minh khác do Tổ chức điều hành cùng quan tâm, Ủy ban chấp hành ra quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban phối hợp của Tổ chức.

(7) (a) Ủy ban chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần theo triệu tập của Tổng Giám đốc, thích hợp nhất là trong cùng thời gian và cùng địa điểm như Ủy ban phối hợp của Tổ chức.

(b) Ủy ban chấp hành họp phiên bất thường theo triệu tập của Tổng Giám đốc, hoặc theo sáng kiến của Tổng Giám đốc, hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban chấp hành hoặc một phần tư số thành viên Ủy ban chấp hành.

(8) (a) Mỗi nước thành viên Ủy ban chấp hành được một phiếu bầu.

(b) Một nửa số thành viên Ủy ban chấp hành đủ để lập thành số đại biểu cần thiết.

(c) Các quyết định được thông qua bằng đa số phiếu.

(d) Việc bỏ phiếu trắng không được coi là biểu quyết.

(e) Một đại biểu chỉ có thể đại diện cho một nước và chỉ biểu quyết thay mặt cho nước đó.

(9) Các nước thành viên của Liên minh, nhưng không phải là thành viên của Ủy ban chấp hành, được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ủy ban chấp hành với tư cách quan sát viên.

(10) Ủy ban chấp hành sẽ chuẩn y quy chế hoạt động của mình.

## **Điều 15. Văn phòng quốc tế**

(1) (a) Các công việc hành chính liên quan đến Liên minh do Văn phòng quốc tế thực hiện, Văn phòng quốc tế là cơ quan kế thừa Văn phòng của Liên minh đã được hợp nhất với Văn phòng của Liên minh được thành lập theo Công ước quốc tế về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật.



(b) Cụ thể Văn phòng quốc tế thực hiện chức năng Ban Thư ký của các cơ quan khác nhau của Liên minh.

(c) Tổng Giám đốc của Tổ chức là người đứng đầu Liên minh và đại diện cho Liên minh.

(2) Văn phòng quốc tế thu thập và công bố thông tin liên quan đến bảo hộ sở hữu công nghiệp. Mỗi nước thành viên của Liên minh phải nhanh chóng gửi cho Văn phòng quốc tế các văn bản các luật mới và tất cả các văn bản chính thức liên quan đến bảo hộ sở hữu công nghiệp. Ngoài ra, còn phải gửi cho Văn phòng quốc tế tất cả các ấn phẩm của Cơ quan sở hữu công nghiệp nước mình có liên quan trực tiếp đến bảo hộ sở hữu công nghiệp mà Văn phòng quốc tế có thể cho là hữu ích cho hoạt động của mình.

(3) Văn phòng quốc tế xuất bản công báo định kỳ hàng tháng.

(4) Văn phòng quốc tế cung cấp thông tin về các vấn đề bảo hộ sở hữu công nghiệp theo yêu cầu của bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh.

(5) Văn phòng quốc tế tiến hành nghiên cứu và tổ chức dịch vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ sở hữu công nghiệp.

(6) Tổng Giám đốc và nhân viên bất kỳ do Tổng Giám đốc chỉ định được tham dự, nhưng không có quyền bỏ phiếu, tất cả các cuộc họp của Hội đồng, của Ủy ban chấp hành và Ủy ban chuyên viên bất kỳ hoặc của nhóm công tác khác. Tổng Giám đốc hoặc nhân viên bất kỳ do Tổng Giám đốc chỉ định là Thư ký mặc nhiên của các Cơ quan đó.

(7) (a) Văn phòng quốc tế theo sự chỉ đạo của Hội đồng và phối hợp cùng với Ủy ban chấp hành chuẩn bị các hội nghị xem xét lại các điều khoản của Công ước, trừ các Điều từ 13 đến 17.

(b) Văn phòng quốc tế có thể tham khảo ý kiến của các tổ chức liên Chính phủ về các vấn đề liên quan đến việc chuẩn bị các Hội nghị xem xét lại Công ước.

(c) Tổng Giám đốc và những người do Tổng Giám đốc chỉ định sẽ tham dự các Hội nghị xem xét lại, nhưng không có quyền biểu quyết.

(8) Văn phòng quốc tế thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào khác được giao.

## **Điều 16. Tài chính**

(1) (a) Liên minh có ngân sách.

(b) Ngân sách của Liên minh bao gồm các khoản thu và chi phí của chính Liên minh, khoản đóng góp vào ngân sách dành cho chi phí chung của các Liên minh, và cả khoản chuyển vào ngân sách Hội nghị của Tổ chức trong những trường hợp thích hợp.

(c) Các khoản chi không chỉ cho chính Liên minh mà còn cho một hoặc một số Liên minh khác do Tổ chức điều hành được coi là chi phí chung cho các Liên minh. Phần của Liên minh trong các khoản chi chung tương ứng với lợi ích của Liên minh trong đó.

(2) Ngân sách của Liên minh được thông qua với sự lưu ý thích đáng đến yêu cầu điều hoà với ngân sách của các Liên minh khác do Tổ chức điều hành.

(3) Ngân sách của Liên minh được lấy từ các nguồn sau:

(i) tiền đóng góp của các nước thành viên của Liên minh;

(ii) lệ phí và các khoản thu dịch vụ của Văn phòng quốc tế liên quan tới Liên minh;

(iii) tiền bán hoặc tiền thu được do chuyển nhượng quyền xuất bản các ấn phẩm của Văn phòng quốc tế liên quan tới Liên minh;

(iv) quà tặng, vật phẩm theo di chúc và các khoản trợ cấp;

(v) tiền cho thuê, tiền lãi và các nguồn thu khác.

(4) (a) Để xác định mức tiền đóng góp của mình vào ngân sách, mỗi nước thành viên của Liên minh được xếp vào một nhóm nhất định và trả tiền đóng góp hàng năm của mình trên cơ sở một số đơn vị xác định như sau:

Nhóm I.....25

Nhóm II.....20

Nhóm III.....15

Nhóm IV.....10

Nhóm V.....5

Nhóm VI.....3

Nhóm VII.....1

(b) Đồng thời với việc nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, mỗi nước phải chỉ ra một nhóm mà mình muốn được xếp vào nếu như trước đây chưa làm việc đó. Bất kỳ nước nào cũng có thể thay đổi nhóm. Nếu một nước lựa chọn nhóm thấp hơn thì nước đó phải tuyên bố về việc lựa chọn này tại khoá họp thường kỳ của Hội đồng. Sự thay đổi như vậy sẽ có hiệu lực từ đầu năm dương lịch tiếp sau khoá họp nói trên.

(c) Số tiền phải đóng góp hàng năm của mỗi nước là số mà tỷ lệ giữa số đó với tổng số tiền của tất cả các nước đóng góp vào ngân sách của Liên minh đúng bằng tỷ lệ giữa số đơn vị của nước đó so với tổng số đơn vị của tất cả các nước đóng góp.

(d) Tiền đóng góp của mỗi nước phải nộp từ mùng một tháng một mỗi năm.

(e) Nước đang nợ tiền đóng góp bị mất quyền biểu quyết ở tất cả các cơ quan của Liên minh mà nước đó là thành viên nếu như tổng số nợ bằng hoặc nhiều hơn tổng số tiền mà nước đó phải nộp trong cả 2 năm trước đó. Tuy nhiên, bất kỳ cơ quan nào trong số các cơ quan nói trên của Liên minh cũng có thể cho phép nước đó tiếp tục sử dụng quyền biểu quyết, nếu, và chừng nào mà cơ quan đó còn cho rằng việc chậm trả tiền đóng góp do những hoàn cảnh đặc biệt và không thể tránh khỏi.

(f) Trường hợp ngân sách không được thông qua trước khi bắt đầu năm tài chính mới thì theo quy định của Quy chế về tài chính, ngân sách sẽ được sử dụng ở mức như ngân sách của năm trước đó.

(5) Mức đóng góp vào các khoản thu dịch vụ mà Văn phòng quốc tế thực hiện liên quan đến Liên minh do Tổng Giám đốc quy định và báo cáo cho Hội đồng và Ủy ban chấp hành biết.

(6) (a) Liên minh có vốn lưu động được hình thành từ khoản nộp một lần của mỗi nước thành viên của Liên minh. Nếu vốn lưu động không đủ, Hội đồng sẽ tìm biện pháp để tăng vốn đó.

(b) Số tiền phải nộp lần đầu của mỗi nước thành viên cho vốn nói trên, hoặc phần đóng góp của nước thành viên để tăng vốn đó tỷ lệ với số tiền đóng góp của nước này trong năm hình thành vốn hoặc thông qua quyết định về việc tăng vốn.

(c) Tỷ lệ và điều kiện nộp tiền do Hội đồng quy định theo đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi đã nghe ý kiến của Ủy ban phối hợp của Tổ chức.

(7) (a) Trong Hiệp định về trụ sở được ký kết với nước mà trên lãnh thổ nước đó đặt trụ sở của Tổ chức có quy định rằng trong trường hợp vốn lưu động bị thiếu thì nước đó có thể cho vay. Chừng nào nước đó vẫn còn có nghĩa vụ cho vay, nước đó mặc nhiên có một ghế trong Ủy ban chấp hành.

(b) Nước nêu ở điểm (a) và Tổ chức đều có quyền huỷ bỏ nghĩa vụ cho vay bằng văn bản thông báo. Việc huỷ bỏ này có hiệu lực sau 3 năm sau khi kết thúc năm có thông báo.

(8) Việc kiểm tra tài chính do một hoặc một số nước thành viên của Liên minh hoặc những người kiểm toán bên ngoài tiến hành như quy định của Quy chế về tài chính. Những người này do Hội đồng chỉ định với sự chấp thuận của họ.

#### **Điều 17. Sửa đổi các điều từ 13 đến 17**

(1) Những kiến nghị về việc sửa đổi các Điều 13, 14, 15, 16 và Điều này, có thể do bất kỳ nước nào là thành viên Hội đồng, do Ủy ban chấp hành hoặc do Tổng Giám đốc đề xuất. Các kiến nghị trên được Tổng Giám đốc thông báo cho các nước thành viên Hội đồng trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi Hội đồng xem xét.

(2) Việc sửa đổi các Điều nêu ở khoản (1) phải được Hội đồng thông qua. Để được thông qua đòi hỏi phải có ba phần tư số phiếu thuận, tuy nhiên bất kỳ sửa đổi nào đối với Điều 13 và khoản này cần phải có bốn phần năm số phiếu thuận.

(3) Bất kỳ sửa đổi nào đối với các Điều nêu ở khoản (1) đều sẽ có hiệu lực sau một tháng kể từ khi Tổng Giám đốc nhận được văn bản thông báo chấp nhận sửa đổi được thực hiện phù hợp với luật pháp của từng nước từ ba phần tư số nước thành viên của Hội đồng tại thời điểm Hội đồng thông qua việc sửa đổi. Bằng bất kỳ sự sửa đổi nào đối với các Điều nêu trên khi đã được thông qua như vậy đều là điều bắt buộc đối với tất cả các nước thành viên của Hội đồng tại thời điểm sự sửa đổi có hiệu lực hoặc nước trở thành thành viên của Hội đồng sau thời điểm đó. Tuy nhiên bất kỳ sự sửa đổi nào làm tăng nghĩa vụ tài chính của các nước thành viên của Liên minh sẽ chỉ bắt buộc đối với những nước đã thông báo chấp nhận sự sửa đổi đó.

#### **Điều 18. Xem xét lại các điều từ 1 đến 12 và từ 18 đến 30**

(1) Công ước này có thể được xem xét lại với mục đích đưa vào Công ước những sửa đổi nhằm hoàn thiện hệ thống Liên minh.

(2) Để thực hiện công việc đó, hội nghị đại biểu các nước thuộc Liên minh sẽ lần lượt được tổ chức tại một trong các nước thuộc Liên minh.

(3) Việc sửa đổi các Điều từ 13 đến 17 được thực hiện theo các quy định của Điều 17.

#### **Điều 19. Các thoả thuận riêng**

Điều này được hiểu rằng các nước thành viên của Liên minh vẫn dành cho mình quyền ký kết giữa các nước với nhau các thoả thuận riêng về bảo hộ sở hữu công nghiệp nếu các thoả thuận đó không trái với các điều khoản của Công ước này.

#### **Điều 20. Phê chuẩn hoặc gia nhập của các nước thành viên của Liên minh, hiệu lực của Công ước**

(1) (a) Bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh đã ký Văn kiện này đều có thể phê chuẩn, hoặc nếu nước đó chưa ký thì có thể gia nhập Công ước. Các văn kiện phê chuẩn hoặc các văn kiện tham gia được nộp lưu cho Tổng Giám đốc.

(b) Bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh cũng có thể tuyên bố trong văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia của mình rằng việc phê chuẩn hoặc gia nhập không áp dụng đối với:

(i) các Điều từ 1 đến 12, hoặc

(ii) các Điều từ 13 đến 17.

(c) Bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh mà theo điểm (b) đã loại từ một trong số hai nhóm Điều nêu trong điểm đó ra khỏi phạm vi hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc tham gia, đều có thể tuyên bố vào bất kỳ thời điểm nào sau này rằng nước đó mở rộng phạm vi hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc tham gia sang cả nhóm Điều nói trên. Bản tuyên bố như vậy được nộp lưu cho Tổng Giám đốc.

(2) (a) Đối với 10 nước thành viên đầu tiên của Liên minh đã nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia mà không tuyên bố như vậy tại khoản (1)(b)(i), các Điều từ 1 đến 12 bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia thứ 10 được nộp lưu.

(b) Đối với 10 nước thành viên đầu tiên của Liên minh đã nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia mà không tuyên bố như quy định tại khoản (1)(b)(ii), các Điều từ 13 đến 17 bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia thứ 10 được nộp lưu.

(c) Theo các quy định tại các điểm (a) và (b), trong trường hợp có hiệu lực đầu tiên của mỗi nhóm trong số hai nhóm Điều nêu trong khoản (1)(b)(i) và (ii), cũng như trong trường hợp tuân thủ các quy định của khoản (1)(b), các Điều từ 1 đến 17 bắt đầu có hiệu lực đối với bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh có nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, trừ những nước nêu trong các điểm (a) và (b), cũng như đối với bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh có tuyên bố theo khoản (1)(c): sau 3 tháng kể từ ngày Tổng Giám đốc ra thông báo về việc nộp lưu văn thư như vậy, nếu trong văn kiện văn bản hoặc tuyên bố không nêu rõ một thời điểm muộn hơn. Trong trường hợp sau cùng văn kiện này bắt đầu có hiệu lực đối với nước đó từ thời điểm được nêu.

(3) Đối với bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh có nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, các Điều từ 18 đến 30 bắt đầu có hiệu lực từ thời điểm sớm nhất trong số các thời điểm, khi có một nhóm Điều bất kỳ trong số các nhóm Điều nêu trong khoản (1)(b) bắt đầu có hiệu lực đối với nước đó theo khoản (2)(a), (b) hoặc (c).

**Điều 21.** Sự tham gia của các nước không phải là thành viên của Liên minh, hiệu lực

(1) Bất kỳ nước nào không phải là thành viên của Liên minh đều có thể tham gia Văn kiện này và bằng cách đó trở thành thành viên của Liên minh. Văn kiện tham gia được nộp lưu cho Tổng Giám đốc.

(2) (a) Đối với một nước bất kỳ chưa phải là thành viên của Liên minh mà đã nộp lưu văn kiện tham gia trước thời điểm có hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào trong Văn kiện này 1 tháng hoặc hơn thì Văn kiện này sẽ có hiệu lực từ thời điểm mà các điều khoản nói trên trước tiên có hiệu lực theo Điều 20(a) hoặc (b), nếu trong văn kiện tham gia không nêu rõ một thời điểm muộn hơn; tuy nhiên:

(i) nếu các Điều từ 1 đến 12 không có hiệu lực từ thời điểm đó, trong giai đoạn trước khi các điều khoản nói trên có hiệu lực, thay vào chúng, nước như vậy sẽ bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 12 của Văn kiện Lisbon,

(ii) nếu các Điều từ 13 đến 17 không có hiệu lực từ thời điểm đó, trong giai đoạn trước khi các điều khoản nói trên có hiệu lực, thay vào chúng, nước như vậy sẽ bị ràng buộc bởi các Điều 13, 14(3), (4) và (5) của Văn kiện Lisbon.

Nếu trong văn kiện tham gia nước đó nêu rõ một thời điểm muộn hơn thì Văn kiện này bắt đầu có hiệu lực đối với nước đó từ thời điểm được nêu trên.

(b) Đối với một nước bất kỳ không phải là thành viên của Liên minh nhưng đã nộp lưu văn kiện tham gia của mình vào thời điểm sau khi có hiệu lực của một nhóm Điều bất kỳ trong Văn kiện này, hoặc vào thời điểm trước đó ít hơn 1 tháng, thì Văn kiện này bắt đầu có hiệu lực, với điều kiện tuân thủ các quy định của điểm (a), sau 3 tháng kể từ thời điểm Tổng Giám đốc ra thông báo về việc gia nhập của nước đó, trừ trường hợp trong văn kiện tham gia có nêu một thời điểm muộn hơn. Trong trường hợp sau cùng Văn kiện này bắt đầu có hiệu lực đối với nước đó từ thời điểm được nêu.

(3) Đối với một nước bất kỳ không phải là thành viên của Liên minh nhưng đã nộp lưu văn kiện tham gia sau thời điểm có hiệu lực toàn bộ Văn kiện này, hoặc trước thời điểm đó dưới 1 tháng, Văn kiện này bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ thời điểm Tổng Giám đốc ra thông báo về việc gia nhập của nước đó, trừ trường hợp trong văn kiện tham gia có nêu một thời điểm muộn hơn. Trong trường hợp sau cùng Văn kiện này bắt đầu có hiệu lực đối với nước đó từ thời điểm được nêu.

## **Điều 22. Kết quả của việc phê chuẩn hoặc gia nhập**

Trừ những trường hợp ngoại lệ được chấp nhận theo các Điều 20(1)(b) và 28(2), việc phê chuẩn và tham gia tự động có kết quả là thừa nhận tất cả các điều khoản và nhận được tất cả các lợi thế do Văn kiện này quy định.

## **Điều 23. Gia nhập các văn kiện trước đó**

Sau khi toàn bộ Văn kiện này có hiệu lực, nước thành viên không thể tham gia các Văn kiện trước đó của Công ước này.

## **Điều 24. Lãnh thổ**

(1) Bất kỳ nước nào cũng có thể tuyên bố trong văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia của mình hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó gửi cho Tổng Giám đốc thông báo bằng văn bản rằng Công ước này được áp dụng đối với toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ nêu trong tuyên bố hoặc trong thông báo mà có quan hệ quốc tế do nước đó chịu trách nhiệm.

(2) Bất kỳ nước nào đã tuyên bố như vậy hoặc đã gửi thông báo như vậy đều có thể vào bất kỳ thời điểm nào thông báo cho Tổng Giám đốc về việc chấm dứt áp dụng Công ước này đối với toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ như vậy.

(3) (a) Bất kỳ tuyên bố nào được thực hiện theo khoản (1) đều bắt đầu có hiệu lực cùng thời điểm với việc phê chuẩn hoặc gia nhập mà trong thông báo có tuyên bố đó, và bất kỳ thông báo nào được gửi theo khoản nói trên đều bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi Tổng Giám đốc ra thông báo về việc đó.

(b) Bất kỳ thông báo nào được gửi theo khoản (2) đều bắt đầu có hiệu lực sau 3 tháng kể từ khi Tổng Giám đốc ra thông báo về việc đó.

**Điều 25. Áp dụng Công ước trong phạm vi quốc gia**

(1) Mỗi nước tham gia Công ước này có trách nhiệm đưa ra những biện pháp cần thiết, theo Hiến pháp của mình, để bảo đảm cho việc thực hiện Công ước này.

(2) Điều đó hàm ý rằng mỗi nước, vào thời điểm nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, đã có khả năng, theo luật pháp của mình, thực thi các điều khoản của Công ước này.

**Điều 26. Bãi ước**

(1) Công ước này có hiệu lực vô thời hạn.

(2) Bất kỳ nước nào cũng có thể bãi ước bằng cách gửi thông báo cho Tổng Giám đốc. Việc bãi ước như vậy cũng là bãi bỏ tất cả các Văn kiện trước đó và chỉ áp dụng đối với nước tuyên bố bãi ước, trong khi đó đối với tất cả các nước thành viên của Liên minh còn lại, Công ước vẫn giữ nguyên hiệu lực và phải thi hành.

(3) Việc bãi ước bắt đầu có hiệu lực sau 1 năm kể từ ngày Tổng Giám đốc nhận được thông báo.

(4) Không một nước nào có thể sử dụng quyền bãi ước quy định trong Điều này trước khi kết thúc thời hạn 5 năm tính từ ngày nước đó trở thành thành viên của Liên minh.

**Điều 27. Áp dụng các văn kiện trước đây**

(1) Văn kiện này thay thế Công ước Pari ngày 20.3.1883 và các Văn kiện tiếp sau đó về việc xem xét lại Công ước Pari trong quan hệ giữa các nước cũng như trong phạm vi mà Công ước áp dụng.

(2) (a) Đối với những nước chưa áp dụng Văn kiện này hoặc có áp dụng nhưng chưa phải toàn bộ Văn kiện này đồng thời áp dụng Văn kiện Lisbon ngày 31.10.1958 thì Văn kiện vừa nêu cuối cùng sẽ giữ nguyên hiệu lực hoặc là toàn bộ hoặc trong phạm vi mà Văn kiện này không thay thế Văn kiện đó theo khoản (1)(c).

(b) Tương tự như vậy, đối với những nước không áp dụng Văn kiện này, không áp dụng một phần nào đó của Văn kiện này và cũng không áp dụng Văn kiện Lisbon thì Văn kiện Luân đôn ngày 2.6.1934 sẽ giữ nguyên hiệu lực hoặc là toàn bộ hoặc trong phạm vi mà Văn kiện này không thay thế Văn kiện đó theo khoản (1).

(c) Tương tự như vậy, đối với những nước không áp dụng Văn kiện này, không áp dụng một phần nào đó của Văn kiện này, không áp dụng Văn kiện Lisbon và cũng không áp dụng Văn kiện Luân đôn thì Văn kiện La Hay ngày 6.11.1925 sẽ giữ nguyên hiệu lực hoặc là toàn bộ hoặc trong phạm vi mà Văn kiện này không thay thế Văn kiện đó theo khoản (1).

(3) Những nước không phải là thành viên của Liên minh nhưng đã tham gia Văn kiện này, sẽ áp dụng Văn kiện này trong quan hệ với bất kỳ nước thành viên nào của Liên minh nhưng chưa gia nhập Văn kiện này hoặc đã gia nhập Văn kiện này và đã tuyên bố theo Điều 20(1)(b)(i). Những nước như vậy thừa nhận rằng nước thành viên của Liên minh nói trên có thể áp dụng, trong quan hệ của mình, các quy định của Văn kiện cuối cùng trước đó mà nước nói trên đã gia nhập.

**Điều 28. Giải quyết tranh chấp**

(1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai hoặc nhiều nước thành viên của Liên minh có liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này mà không giải quyết được bằng con đường đàm phán,

đều có thể được một nước bất kỳ có liên quan đưa ra xét xử tại Toà án quốc tế bằng cách nộp đơn theo Quy chế của Toà án, trừ phi các nước nói trên thoả thuận được biện pháp giải quyết khác. Nước thành viên đã đưa vụ tranh chấp này ra Toà án phải thông báo cho Văn phòng quốc tế về vụ tranh chấp; Văn phòng quốc tế phải thông báo việc này cho tất cả các nước thành viên khác.

(2) Vào thời điểm ký Văn kiện này hoặc thời điểm nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia, bất kỳ nước nào cũng có thể tuyên bố rằng mình không coi là bị ràng buộc bởi khoản

(1). Đối với các tranh chấp giữa nước như vậy với các nước khác của Liên minh sẽ không áp dụng quy định của khoản (1).

(3) Bất kỳ nước nào đã tuyên bố theo các quy định của khoản (2) cũng vẫn có thể rút tuyên bố đó vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Tổng Giám đốc.

#### **Điều 29. Ký kết, ngôn ngữ, chức năng lưu giữ**

(1) (a) Văn kiện này được ký kết trên một bản gốc duy nhất bằng tiếng Pháp và được nộp lưu cho Chính phủ Thụy Điển.

(b) Các Văn bản chính thức do Tổng Giám đốc lập, sau khi trao đổi với các Chính phủ quan tâm, bằng các thứ tiếng Anh, Đức, Italia, Bồ Đào Nha, Nga và Tây Ban Nha, và các thứ tiếng khác mà Hội đồng có thể chỉ định.

(c) Trong trường hợp có bất đồng về việc giải thích các văn bản khác nhau thì văn bản tiếng Pháp sẽ có ưu thế.

(2) Văn kiện này được đề ngỏ để ký kết tại Stockholm cho đến ngày 13.1.1968.

(3) Tổng Giám đốc gửi hai bản sao của Văn kiện đã được ký kết này, có chứng thực của Chính phủ Thụy điển, cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên của Liên minh, và theo yêu cầu, cho Chính phủ của bất kỳ nước nào khác.

(4) Tổng Giám đốc đăng ký Văn kiện này với Ban Thư ký của Liên minh

(5) Tổng Giám đốc thông báo cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên của Liên minh về việc ký kết, nộp lưu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện tham gia và về các tuyên bố có trong các văn bản đó hoặc được thực hiện theo Điều 20(1)(c), về việc có hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào của Văn kiện này, về các thông báo bãi ước và về các thông báo theo Điều 24.

#### **Điều 30. Các điều khoản chuyển tiếp**

(1) Trước khi Tổng Giám đốc đầu tiên nhậm chức, những nội dung trong Văn kiện này đề cập đến Văn phòng quốc tế của Tổ chức hoặc đến Tổng Giám đốc sẽ được coi là tương ứng đề cập đến Văn phòng của Liên minh hoặc đến Giám đốc Văn phòng.

(2) Các nước thành viên của Liên minh không bị ràng buộc bởi các Điều từ 13 đến 17, có thể, trong vòng 5 năm sau khi Công ước về việc thành lập Tổ chức bắt đầu có hiệu lực, sử dụng các quyền quy định tại các Điều từ 13 đến 17 của Văn kiện này, nếu họ muốn, như thể chính họ cũng bị ràng buộc bởi các Điều này. Bất kỳ nước nào muốn sử dụng các quyền như vậy phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng Giám đốc về mục đích đó, thông báo như vậy sẽ có hiệu lực từ ngày nhận được. Các nước như vậy được coi là thành viên của Hội đồng cho đến khi hết thời hạn nói trên.

(3) Chừng nào tất cả các nước thành viên của Liên minh chưa trở thành thành viên của Tổ chức thì Văn phòng quốc tế của Tổ chức vẫn còn hoạt động kiêm cả chức năng của Văn phòng của Liên minh, còn Tổng Giám đốc vẫn làm việc với tư cách là Giám đốc của Văn phòng đó.

(4) Ngay sau khi tất cả các nước thành viên của Liên minh trở thành thành viên của Tổ chức, các quyền, trách nhiệm và tài sản của Văn phòng của Liên minh sẽ được chuyển giao cho Văn phòng quốc tế của Tổ chức.